CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Khoáng sản Bình Định

Ngày 30/06/2025	18,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	**-8.5%**	**-**

DT thuần
Q2/25
27.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.7| 136%
YoY: ▼20.3| -42.6%

LN thuần
Q2/25
3.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.37| 205%
YoY: ▼4.82| -57.7%

LN sau thuế
Q2/25
2.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.98| 220%
YoY: ▼3.87| -57.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
12.9%
YoY: +/-▲ 2.9%

ROE (TTM)
Q2/25
8.0%
YoY: +/-▼ 1.2%

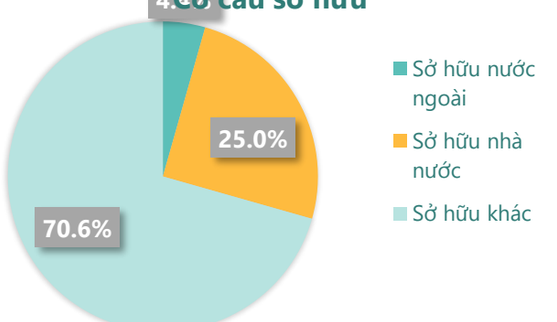
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,004 - 30,413
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	234
Số lượng CPLH (CP)	12,392,630
KLGD BQ 20 phiên (CP)	83,510
Sở hữu nước ngoài	4.4%
Beta	1.04
EPS	1,437
P/E	13.1

DT thuần
6T 2025
39.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼49.4| -55.9%

LN thuần
6T 2025
4.70
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.70| -67.3%

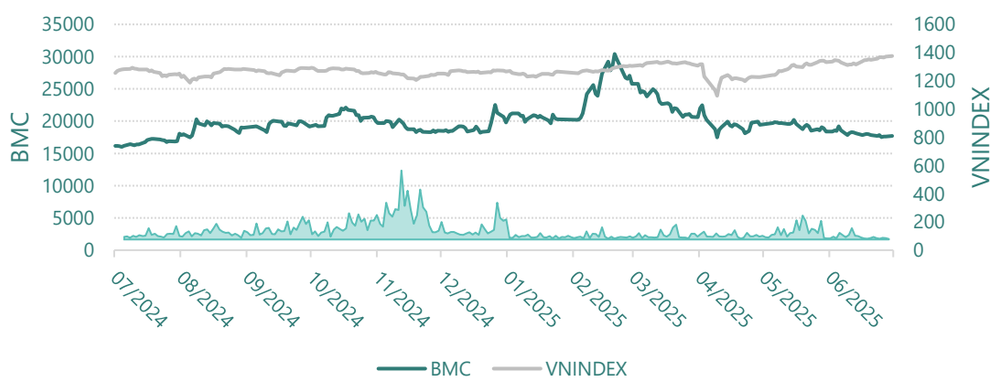
LN sau thuế
6T 2025
3.77
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.73| -67.2%

Cơ cấu sở hữu

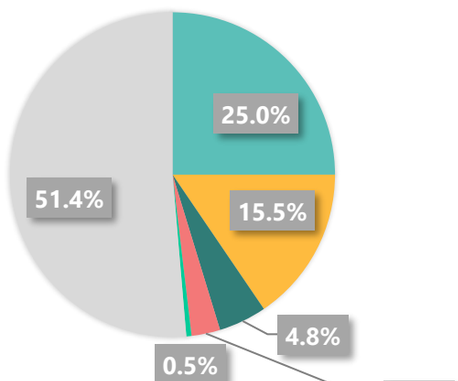


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



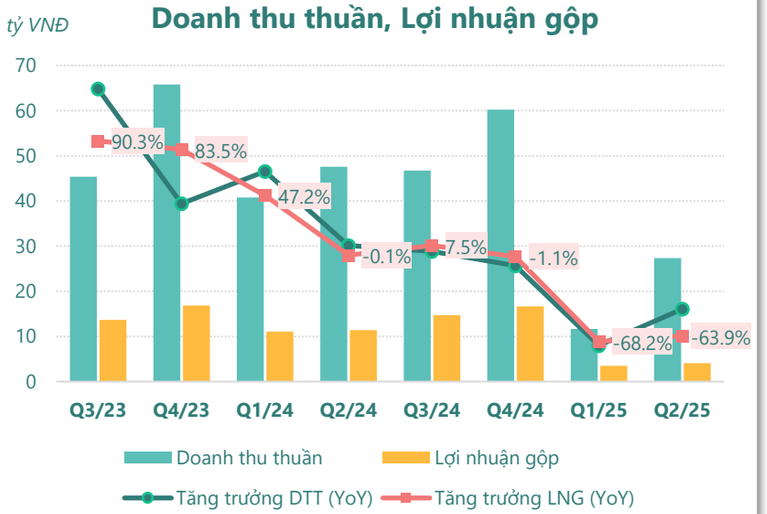
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

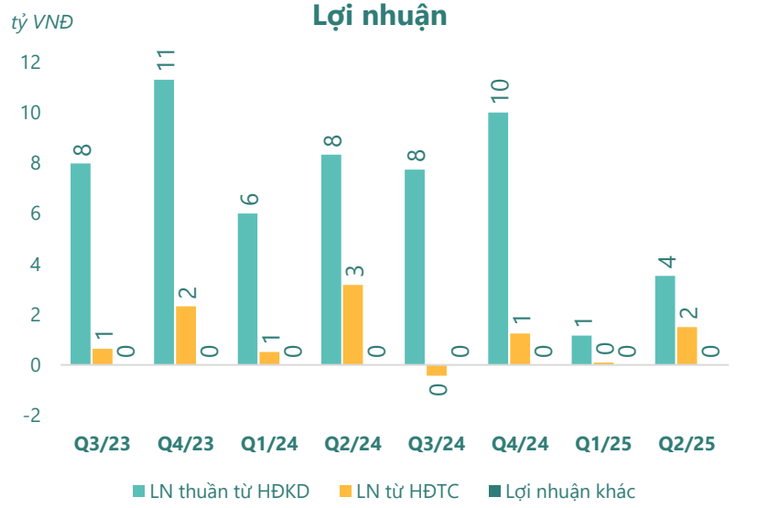
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



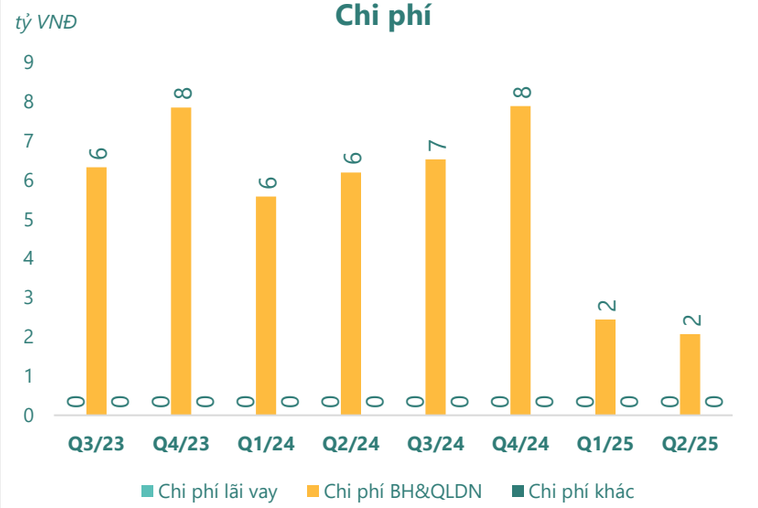
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



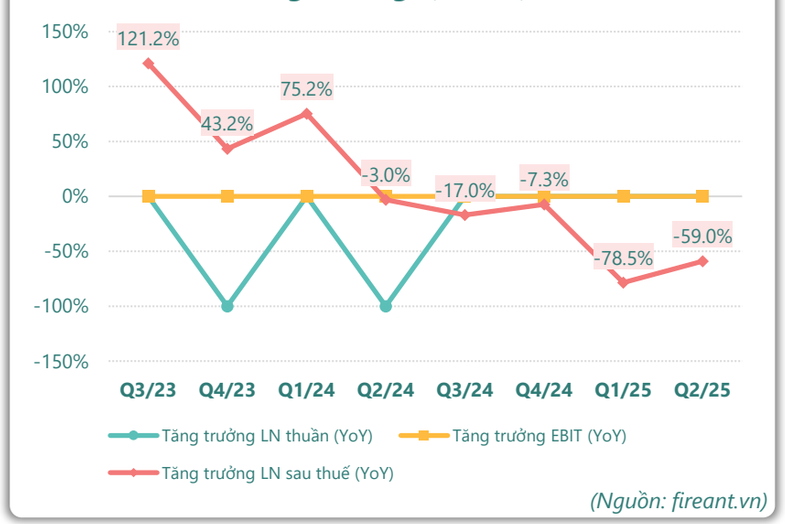
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



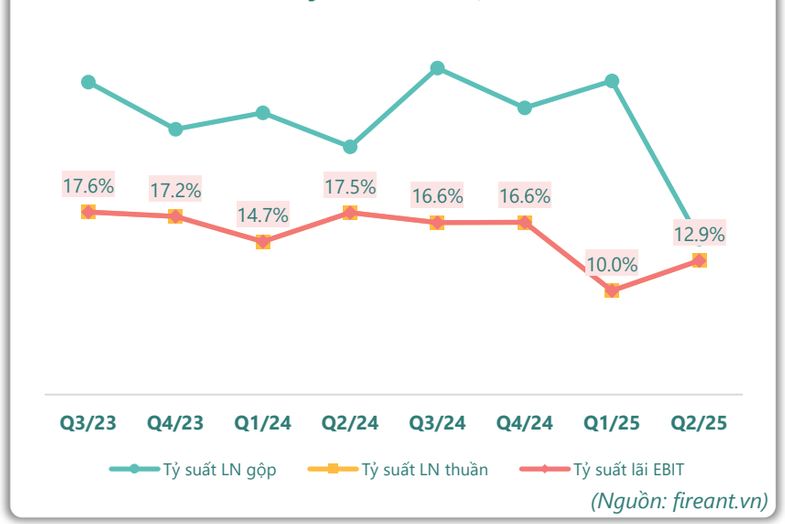
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



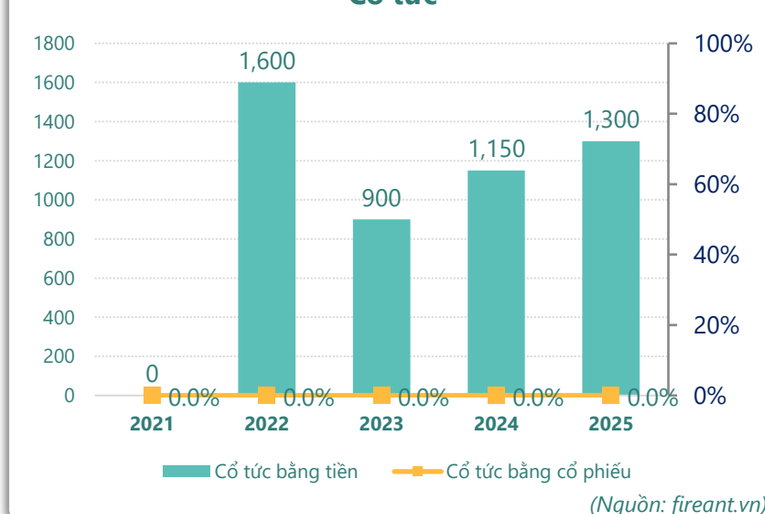
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

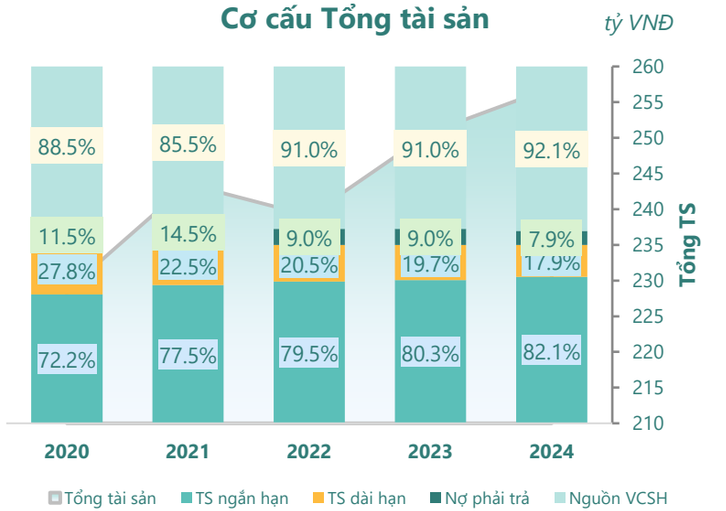
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

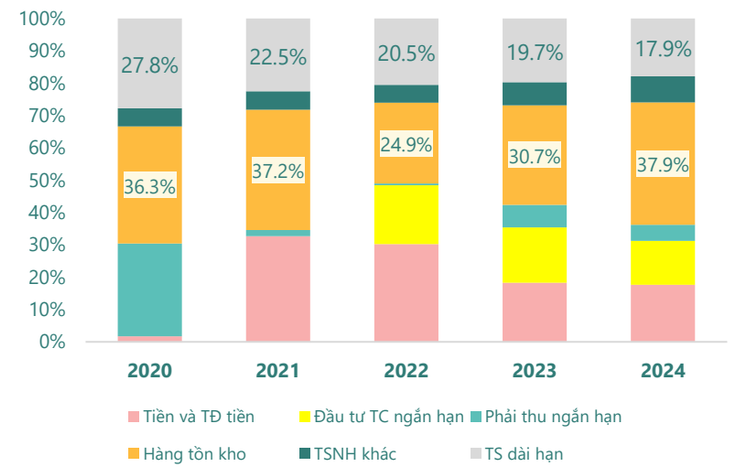
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



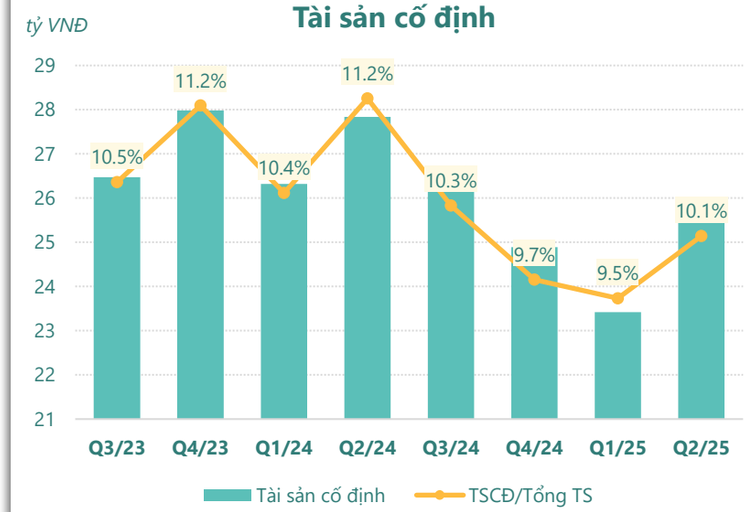
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



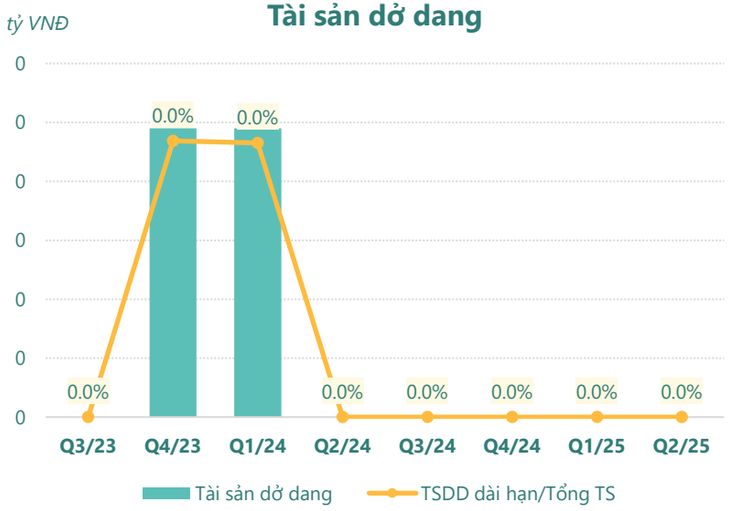
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



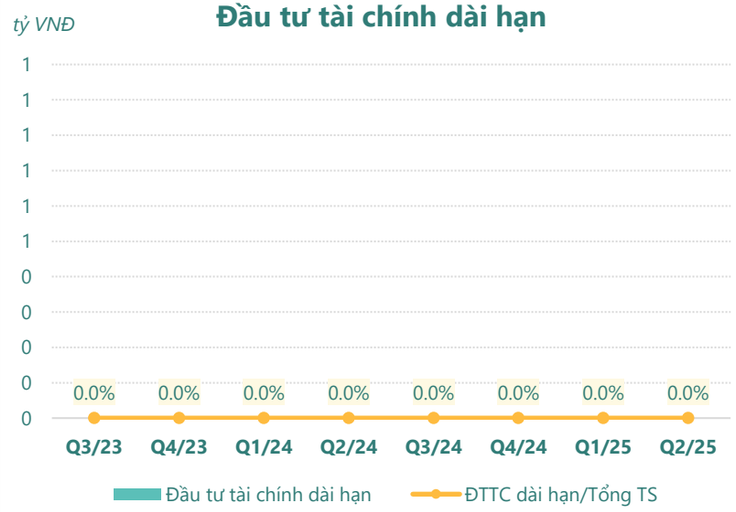
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



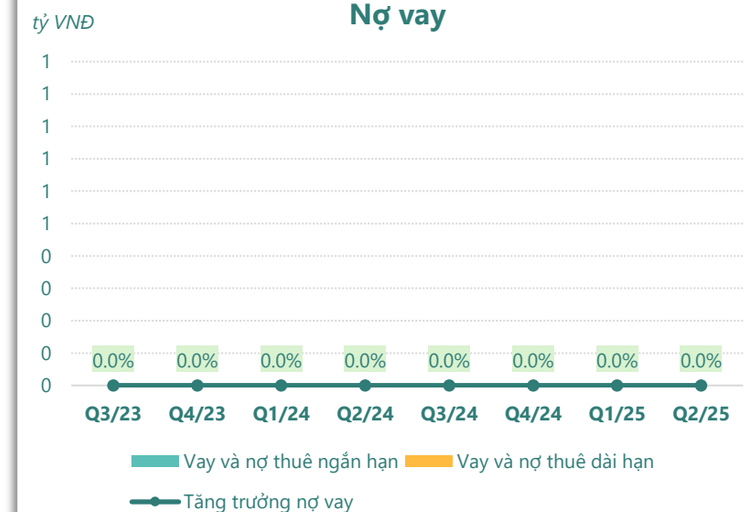
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

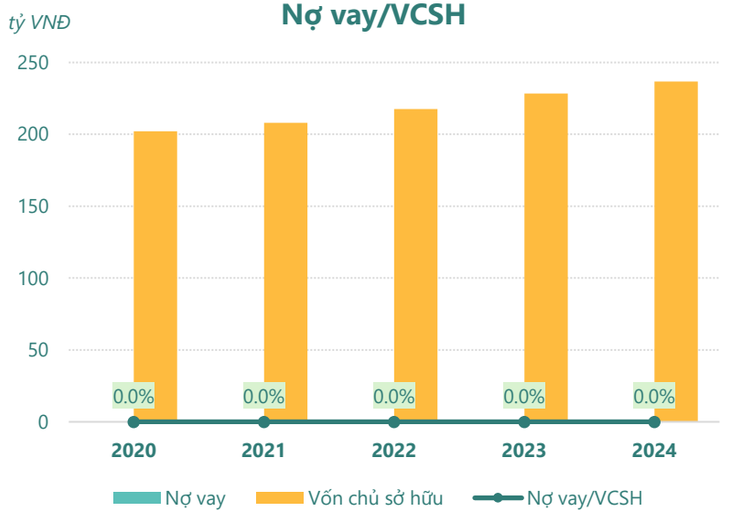
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

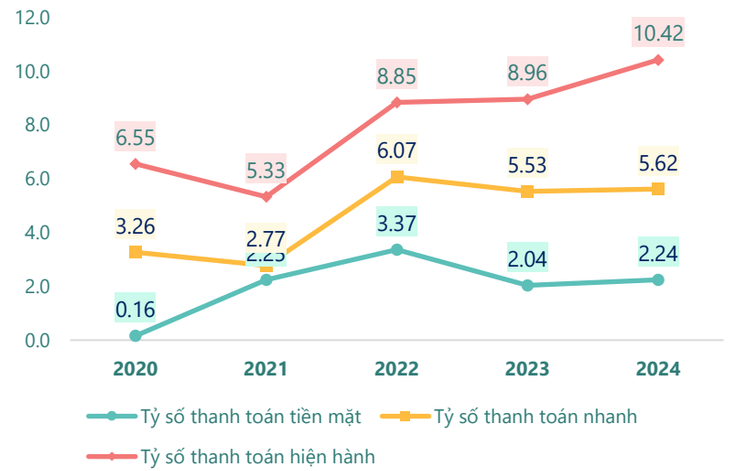
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



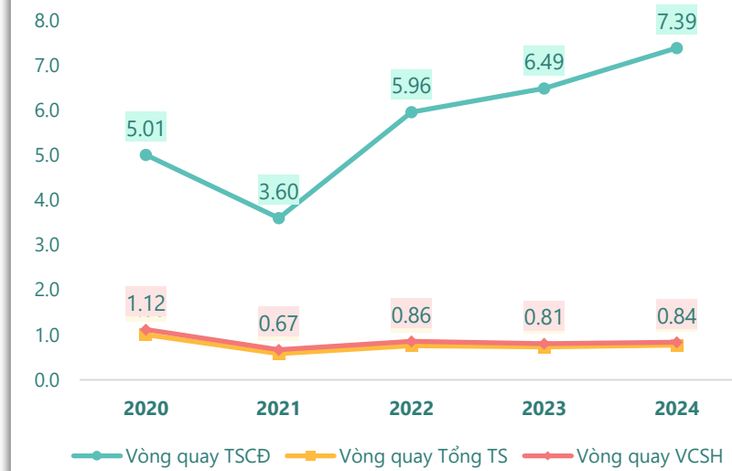
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



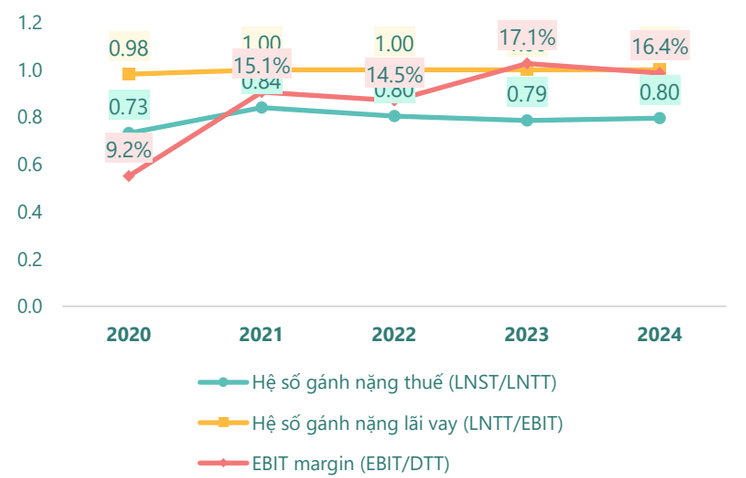
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



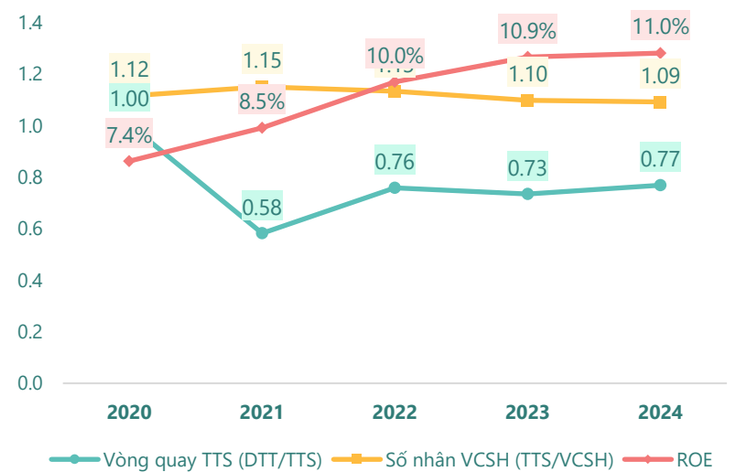
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



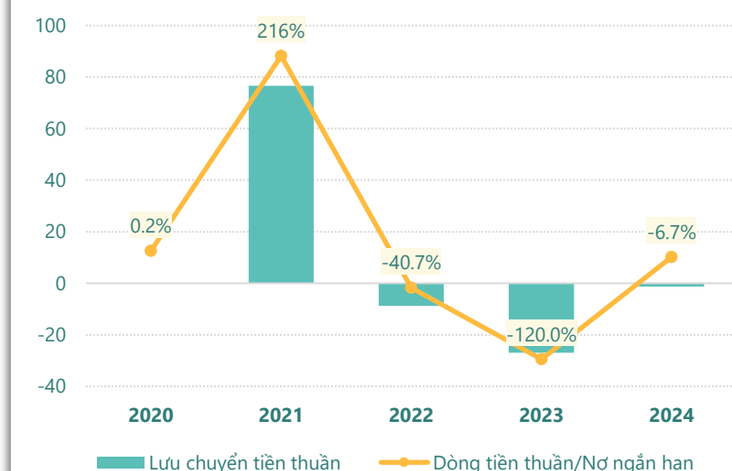
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**27.3**	**47.6**	**-42.6%**	**39.0**	**88.4**	**-55.9%**
Giá vốn hàng bán	23.2	36.2	-35.8%	31.3	65.9	-52.4%
Lợi nhuận gộp	4.10	11.4	-64.0%	7.62	22.4	-66.0%
Doanh thu HĐTC	1.49	3.17	-53.0%	1.59	3.69	-56.8%
Chi phí TC	-0.01	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.99	1.66	-40.2%	1.58	3.12	-49.4%
Chi phí QLDN	**1.08**	**4.54**	**-76.3%**	**2.94**	**8.66**	**-66.1%**
LN thuần từ HĐKD	3.53	8.35	-57.7%	4.70	14.4	-67.3%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	3.53	8.35	-57.7%	4.70	14.4	-67.3%
Lợi nhuận sau thuế	**2.88**	**6.75**	**-57.4%**	**3.77**	**11.5**	**-67.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.88**	**6.75**	**-57.4%**	**3.77**	**11.5**	**-67.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.90	5.63	0.04	-5.69	-14.9	-0.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.10	-3.12	-0.31	9.34	0.00	-3.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-14.3	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	45.7	52.7	41.6	41.4	45.4	30.5
Lưu chuyển tiền thuần	**7.00**	**-11.7**	**-0.27**	**3.66**	**-14.9**	**-4.11**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.64	0	0.32	0	0.42
Tiền cuối kỳ	52.7	41.6	41.4	45.4	30.5	26.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**254**	**257**	**-1.1%**
Tài sản ngắn hạn	209	211	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	26.8	45.4	-40.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.0	35.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	10.9	12.7	-14.7%
Hàng tồn kho	112	97.3	15.0%
Tài sản ngắn hạn khác	24.5	20.6	18.7%
Tài sản dài hạn	**45.2**	**46.0**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	7.93	7.93	0.0%
Tài sản cố định	25.6	24.9	2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.7**	**13.2**	**-11.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	33.2	20.2	64.2%
Nợ ngắn hạn	**33.2**	**20.2**	**64.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.33	0.83	-60.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**221**	**237**	**-6.6%**
Vốn chủ sở hữu	**221**	**237**	**-6.6%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)